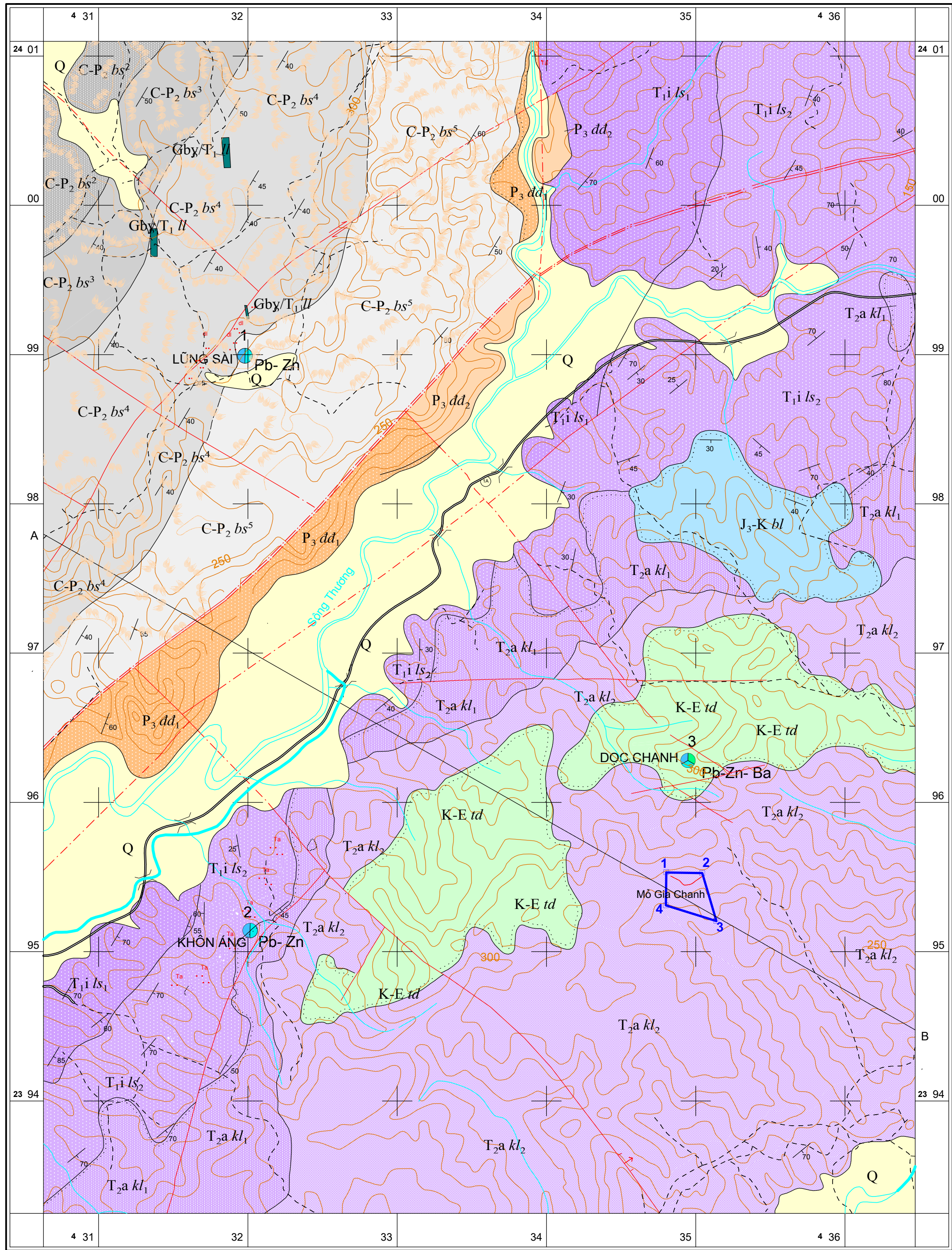


# SƠ ĐỒ ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN

## KHU CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ  
XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1  
GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

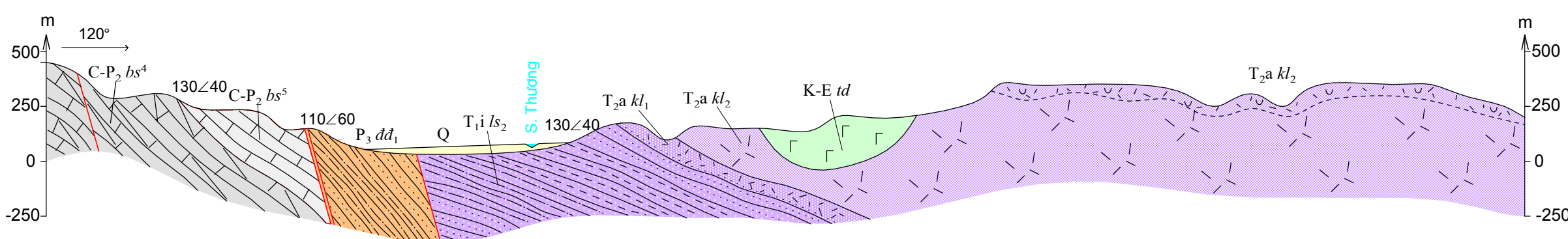
250 0m 250 500 750 1000

TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
LIÊN ĐOÀN ĐỊA CHẤT ĐÔNG BẮC

Đề án: Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng quặng sắt mỏ Gia Chanh,  
xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Bản vẽ số 02: Sơ đồ địa chất khoáng sản khu Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Tỷ lệ 1:25.000	Năm 2014
Người thành lập:		Nguyễn Văn Tới
Chủ biên:		Phạm Văn Hiệp
Liên đoàn trưởng:		

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT THEO ĐƯỜNG A - B  
TỶ LỆ 1: 25000










### CHỈ DẪN

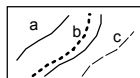
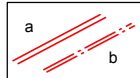
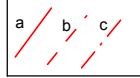
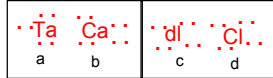

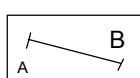
#### I - CÁC KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG

ĐỆ TỬ	Q	Tầng, cuội, sỏi, cát, sét hỗn hợp. Dày 0,5 - 8,0m.
KRETA- PALEOGEN	K-E td	HỆ TẦNG TAM DANH Bazan màu xám đen, xám tro, bazan hạnh nhân, thủy tinh bazan, tuf bazan. Dày 150 - 200m.
JURA- KRETA	J3-K bl	HỆ TẦNG BÌNH LIÊU Cuội, sạn kết, cát kết, tufogen, bột kết màu tím đỏ, rhyolit, rhyolit- dacit, rhyolit trachit. Dày 400 - 650 m.
TRIAS	T2a kl2 T2a kl1 T1i ls2 T1i ls1	Phân hệ tầng trên: Rhyolit, rhyolit porphyr màu xám xanh, tuf rhyolit và thấu kính cát bột kết. Dày trung bình 400m Phân hệ tầng dưới: Rhyolit, ban tinh lớn màu xám trắng, tuf rhyolit, ít thấu kính cuội kết tuf, cát kết, bột kết, đá phiến sét. Dày trung bình 200m Phân hệ tầng trên: Chủ yếu là cát kết hạt thô màu xám vàng xen đá phiến sét, bột kết, sét kết màu xám, xám vàng, cát kết dạng quartzit màu xám đen, thấu kính đá vôi. Dày trung bình 300m Phân hệ tầng dưới: Đá phiến sét, sét silic, silic ít sét vôi màu xám, xám xanh, cát kết, bột kết và sét kết xen kẽ, phần lớp mỏng - trung bình. Dày trung bình 200-300m. Tổng chiều dày 500 - 800 m.
	Gby/T1 II	PHÚC HỆ LĂNG LONG: Diabas, gabrodiabas, congodiabas
PERMI	P3 dd2 P3 dd1	HỆ TẦNG ĐÔNG BẮNG Phân hệ tầng trên: Đá vôi, phiến vôi xen đá phiến vôi, cát bột kết, cát kết đa khoáng. Dày trung bình 260m. Phân hệ tầng dưới: Đá phiến sét, sét sericit, sét vôi, cát bột kết màu xám, nâu vàng, nâu đỏ via bauxit lót đáy. Dày trung bình 150m. Tổng chiều dày >400 m.
CARBON - PERMI	C-P2 bs5 C-P2 bs4 C-P2 bs3 C-P2 bs2	HỆ TẦNG BẮC SƠN Tập 5: Đá vôi vi hạt, đá vôi sinh vật, phần lớp dày, màu xám, xám sáng. Tập 4: Đá vôi dolomit phần lớp dày, màu xám, xám tro xen thấu kính đá vôi màu xám. Tập 3: Đá vôi phần lớp dày, màu xám sáng, xám tro xen thấu kính đá vôi dolomit. Tập 2: Đá vôi dolomit phần lớp dày, màu xám sáng phớt hồng, xám đen xen thấu kính đá vôi màu xám sáng, xám tro. Tổng chiều dày 700 - 1100 m.

#### II - CÁC KÝ HIỆU THẠCH HỌC

		a- Đá vôi, b- Đá vôi dolomit	
		c	a- Cát kết, b- Bột kết, c- Phiến sét
			a- Bazan, b- Rhyolit, c- Tuf rhyolit

#### III - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

	Ranh giới địa chất: a) Chính hợp; b) Bất chỉnh hợp; c) Dứt gãy
	Đứt gãy phân đới: a) Xác định; b) Dưới lớp phủ Đệ Tứ
	Đứt gãy không phân loại: a) Xác định; b) Dự đoán; c) Dưới lớp phủ Đệ Tứ
	Biến đổi nhiệt dịch: a) Thạch anh hoá; b) Calcit hoá; c) Dolomit hoá; d) Clorit hoá
	Thế nằm mặt lớp
	Đường mặt cắt địa chất AB

#### BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐIỂM QUẢNG

STT	ĐỊA DANH	KHOÁNG SẢN	KÝ HIỆU
1	LŨNG SỎI	Chi-kẽm	Pb-Zn
2	KHÔN ÁNG	Chi-kẽm	Pb-Zn
3	DOC CHANH	Chi-kẽm- barit	Pb-Zn- Ba

